

Số: 162 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO**Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**
(Từ 16h00 ngày 05/02/2022 đến 16h00 ngày 06/02/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24 giờ qua, thế giới ghi nhận thêm hơn 2 triệu ca mắc COVID-19 và hơn 7.700 ca tử vong. Tới nay, tổng số ca mắc COVID-19 trên toàn cầu vượt 394 triệu ca, trong đó trên 5,7 triệu ca tử vong. Về số ca nhiễm mới trong ngày qua, Pháp đứng đầu toàn cầu với trên 214.500 trường hợp, tiếp đến là Nga (177.300), Đức (166.600), Brazil (154.200) và Ấn Độ (104.000). Tính theo số ca tử vong, Mỹ ở vị trí số 1 với hơn 900 ca, sau đó là Ấn Độ (865), Brazil (733), Nga (714) và Mexico (688).

Tại Singapore, số ca nhiễm gia tăng sau Tết Nhâm Dần khi lần đầu tiên vượt mốc 10.000 ca nhiễm/ngày, kéo theo số ca nhập viện và tử vong gia tăng. Riêng ngày 4/2, nước này ghi nhận 13.046 ca mới, tăng hơn 3 lần so với một ngày trước đó (4.087 ca), với đa số là lây nhiễm trong cộng đồng. Ngoài ra, trong ngày 5/2, quốc gia này có thêm 10.390 ca mắc mới.

Indonesia đã yêu cầu người dân từ 60 tuổi trở lên mắc các bệnh đi kèm và chưa được tiêm vaccine ngừa COVID-19 không được ra khỏi nhà trong tháng tới. Quyết định này được đưa ra sau khi số trường hợp dương tính với virus SARS-CoV-2 gia tăng khá nhanh trong vài ngày qua cùng với các dữ liệu có được thì hầu hết bệnh nhân COVID-19 tử vong đều là người cao tuổi. Đối với những trường hợp có biểu hiện nhẹ nên tự cách ly và điều trị tại nhà, song những bệnh nhân thuộc nhóm người cao tuổi cần được đưa ngay đến bệnh viện hoặc khu cách ly tập trung. Các bệnh đi kèm như tăng huyết áp đến đái tháo đường là nguyên nhân khiến số ca tử vong do COVID-19 tăng đột biến trong thời gian gần đây.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 06/02/2022, cả nước ghi nhận 2.341.971 ca mắc, trong đó 2.336.437 ca trong nước. Đến nay đã có 2.112.715 người khỏi bệnh, 38.261 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 2.339.119 ca, trong đó có 2.334.867 ca trong nước (99,8%), 2.109.898 người đã khỏi bệnh (90,2%), 38.226 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày**1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 14.112 ca mắc mới, trong đó 14.105 ca ghi nhận trong nước (tăng 1.945 so với ngày trước đó) tại 56 tỉnh, thành phố.

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 05/02/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 38.023.636 mẫu cho 81.053.812 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 32.289.291 mẫu tương đương 77.305.873 lượt người, tăng 17.417 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.796.939 mẫu gộp cho 47.934.370 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin đã tiếp nhận đến ngày 05/02/2022 là 213.663.114 liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	32.863.320	12.927.860	19.549.060	386.400	63.190.356
2	Pfizer	50.999.130	26.376.270	23.999.040	2.377.230	0	77.375.400
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	106.326.166	107.336.948	51.024.460	29.449.090	26.863.398	213.663.114
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						195.966.966
III	Số vắc xin chưa phân bổ						17.696.148

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 213,7 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 196 triệu liều; còn khoảng 17,7 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 05/02/2022

Cả nước đã tiêm 182.180.300 liều (trong ngày tiêm được 77.428 liều), đạt 93,0% số vắc xin phân bổ 123 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (≥ 18 tuổi) ¹	100,0%	96,5%	24,8%
Trẻ em (12-17 tuổi)	94,9%	88,3%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 165.866.614 liều:

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

+ Mũi 1: 70.635.596 liều

+ Mũi 2: 67.825.066 liều ; Mũi bổ sung: 10.336.023 liều.

+ Mũi 3: 17.069.929 liều

52/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

11/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 82% - dưới 90% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 16.313.686 liều:

+ Mũi 1: 8.453.789 liều

+ Mũi 2: 7.859.897 liều.

38/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

15/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 80-dưới 90% .

10/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 23% - dưới 80% .

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Đến nay, dịch bệnh cơ bản đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Mặc dù vậy, trong bối cảnh nước ta đang dần mở cửa lại các hoạt động phục hồi, phát triển kinh tế xã hội; nhất là sau Tết Nguyên Đán người dân trở lại đi làm, đi học....có sự gia tăng giao lưu đi lại của người dân tại tất cả các địa phương, việc tổ chức lễ hội văn hóa, sinh hoạt cộng đồng, việc thăm hỏi người thân, việc di chuyển của người dân trở lại làm việc sau Tết...đến tiềm ẩn nguy cơ gia tăng số ca nhiễm bệnh sau dịp Tết, lây lan dịch bệnh trong cộng đồng, kể cả việc lây nhiễm biến thể Omicron. Nếu không kiểm soát, số mắc tăng quá mức, sẽ tăng ca nặng, gây quá tải hệ thống y tế dẫn đến nhiều trường hợp tử vong ngoài ý muốn.

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Tập trung đẩy mạnh Chiến dịch tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19 thành tốc mùa Xuân năm 2022; rà soát, tiêm vét các đối tượng nguy cơ cao, không để bỏ sót đối tượng chưa được tiêm chủng và đối tượng chưa được tiêm đủ liều vắc xin; bảo đảm an toàn tiêm chủng.

2. Tiếp tục rà soát, đánh giá cấp độ dịch theo hướng dẫn tại Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ để tổ chức các biện pháp đáp ứng dịch phù hợp, làm cơ sở triển khai các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp với Nghị quyết số 128/NQ-CP và tình hình dịch bệnh.

3. Tiếp tục giám sát, quản lý chặt chẽ các trường hợp nhập cảnh để bảo đảm an toàn phòng, chống dịch. Cập nhật, tổ chức triển khai các hướng dẫn phòng, chống dịch, chẩn đoán, điều trị người bệnh COVID-19 của Bộ Y tế.

4. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe... nhất là khi đưa học sinh trở lại học tập trực tiếp tại trường, người lao động trở lại làm việc sau Tết.

5. Các cơ sở y tế thực hiện nghiêm công tác phân luồng, phân tuyến; có phương án thường trực, dự trữ cơ số máu, thuốc, dịch truyền, ôxy y tế, vật tư, hoá chất, bố trí cơ số giường bệnh, phương tiện cấp cứu và cấp cứu ngoại viện để sẵn sàng đáp ứng,

đảm bảo tốt công tác phòng, chống dịch và thu dung, điều trị, khám bệnh, chữa bệnh thường quy.

Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra giám sát việc thực hiện công tác quản lý chất thải y tế, đảm bảo việc phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế, chất thải trong phòng, chống dịch COVID-19 được thực hiện đúng quy định, không làm phát tán mầm bệnh ra bên ngoài và không gây ô nhiễm môi trường.

6. Bộ Y tế tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động liên quan đến việc tạo điều kiện thuận lợi cho cấp phép nhập cảnh, mở cửa du lịch và mở cửa trường học an toàn cho học sinh trở lại trường.

7. Tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm trong dịp lễ hội văn hóa năm 2022.

8. Quan tâm đến các chế độ, chính sách động viên lực lượng y, bác sỹ, người tình nguyện tham gia chống dịch bằng các hình thức hỗ trợ cụ thể, thiết thực. Kịp thời tôn vinh, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc nhân Ngày Thầy thuốc Việt Nam 27/2 để tiếp tục khơi dậy lòng nhiệt huyết, dấn thân của đội ngũ y, bác sỹ tuyến đầu chống dịch, nêu cao tinh thần tương thân, tương ái, vượt qua khó khăn, thách thức tham gia phòng, chống dịch COVID-19.

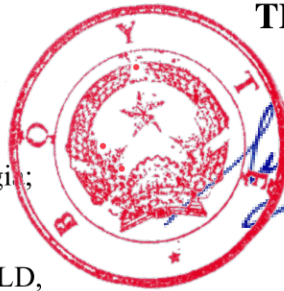
9. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các hoạt động truyền thông phòng, chống dịch COVID-19 theo định hướng, chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, với nguyên tắc chủ động, minh bạch, kịp thời, hiệu quả. Tuyên truyền để người dân tiếp tục thực hiện nghiêm thông điệp 5K, nhất là đeo khẩu trang theo quy định; không lơ là, chủ quan trước diễn biến dịch bệnh ngay cả khi đã tiêm đủ liều vắc xin.

Bộ Y tế kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 05/01	Số mắc ngày 06/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 06/01	Số tử vong tích lũy đến 05/01
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		12.160	14.105	1945	2.334.665	38.226
1	Hồ Chí Minh	24	43	19	514.457	20.360
2	Bình Dương	11	3	-8	292.747	3.390
3	Hà Nội	2.778	2.797	19	148.008	602
4	Đồng Nai	12	14	2	99.952	1.680
5	Tây Ninh	33	27	-6	88.520	830
6	Khánh Hòa	49	59	10	61.785	285
7	Cà Mau	87	85	-2	56.430	287
8	Vĩnh Long	25	30	5	53.583	721
9	Đồng Tháp	19	13	-6	47.462	927
10	Bình Phước	165	193	28	47.002	170
11	Cần Thơ	10	9	-1	44.414	874
12	Bến Tre	73	63	-10	42.074	373
13	Long An	8	7	-1	41.724	979
14	Bắc Ninh	402	460	58	40.394	76
15	Trà Vinh	29	11	-18	38.021	230
16	Đà Nẵng	783	927	144	37.316	126
17	An Giang	7		-7	35.570	1.305
18	Bạc Liêu	39	39	0	35.426	366
19	Tiền Giang	2	14	12	35.355	1.216
20	Bình Định	339	425	86	34.515	144
21	Kiên Giang	14	45	31	33.393	811
22	Sóc Trăng	38		-38	32.281	566
23	Hải Phòng	362	523	161	32.866	65
24	BRVT	25	92	67	31.080	422
25	Bình Thuận	15	27	12	29.463	388
26	Thanh Hóa	295	300	5	23.052	22
27	T.T.Huế	118	148	30	22.224	142
28	Hưng Yên	207	195	-12	19.568	2
29	Lâm Đồng	230	228	-2	17.424	63
30	Quảng Nam	735	853	118	18.341	28
31	Đắc Lắc			0	16.405	86
32	Bắc Giang	197	446	249	16.688	17
33	Hậu Giang	12	11	-1	16.037	190
34	Nghệ An	325	675	350	16.031	45
35	Quảng Ngãi	106	143	37	15.012	49
36	Quảng Ninh	105	94	-11	13.250	9
37	Hải Dương	478	566	88	13.706	21
38	Nam Định	541	593	52	13.726	17
39	Hà Giang	95	92	-3	12.566	30

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 05/01	Số mắc ngày 06/01	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 06/01	Số tử vong tích lũy đến 05/01
40	Vĩnh Phúc	495	550	55	12.859	8
41	Phú Yên	69		-69	10.416	62
42	Gia Lai	121	56	-65	10.442	33
43	Phú Thọ	470	491	21	11.185	10
44	Hòa Bình	395	523	128	10.332	28
45	Thái Nguyên	287	355	68	9.206	6
46	Đắc Nông	39	49	10	8.639	26
47	Thái Bình	298	419	121	8.971	3
48	Ninh Thuận		3	3	6.895	56
49	Quảng Bình	126	185	59	7.073	9
50	Hà Nam	159	169	10	6.663	3
51	Quảng Trị	88	92	4	5.180	6
52	Lạng Sơn			0	4.607	15
53	Ninh Bình	209	183	-26	4.956	20
54	Sơn La	98	132	34	4.764	
55	Lào Cai	89	110	21	4.043	5
56	Tuyên Quang	86	95	9	3.972	2
57	Yên Bái	103	73	-30	3.251	5
58	Kon Tum	35		-35	3.064	
59	Hà Tĩnh		147	147	2.906	6
60	Điện Biên	140	128	-12	2.876	1
61	Cao Bằng	31	55	24	2.007	4
62	Bắc Kạn	29	40	11	1.296	4
63	Lai Châu			0	1.194	
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	12.160	14.105	1.945	2.334.867	38.226

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (2.797), Đà Nẵng (927), Quảng Nam (853), Nghệ An (675), Nam Định (593), Hải Dương (566), Vĩnh Phúc (550), Hải Phòng (523), Hòa Bình (523), Phú Thọ (491), Bắc Ninh (460), Bắc Giang (446), Bình Định (425), Thái Bình (419), Thái Nguyên (355), Thanh Hóa (300), Lâm Đồng (228), Hưng Yên (195), Bình Phước (193), Quảng Bình (185), Ninh Bình (183), Hà Nam (169), Thừa Thiên Huế (148), Hà Tĩnh (147), Quảng Ngãi (143), Sơn La (132), Điện Biên (128), Lào Cai (110), Tuyên Quang (95), Quảng Ninh (94), Bà Rịa - Vũng Tàu (92), Quảng Trị (92), Hà Giang (92), Cà Mau (85), Yên Bái (73), Bến Tre (63), Khánh Hòa (59), Gia Lai (56), Cao Bằng (55), Đắk Nông (49), Kiên Giang (45), Hồ Chí Minh (43), Bắc Kạn (40), Bạc Liêu (39), Vĩnh Long (30), Tây Ninh (27), Bình Thuận (27), Đồng Nai (14), Tiền Giang (14), Đồng Tháp (13), Hậu Giang (11), Trà Vinh (11), Cần Thơ (9), Long An (7), Bình Dương (3), Ninh Thuận (3).

+ Có 7 ca nhập cảnh ghi nhận tại Hải Dương (2), Tây Ninh (2), Hà Tĩnh (1), Đà Nẵng (1), Hồ Chí Minh (1).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Hưng Yên (giảm 207), Ninh Bình (giảm 106), Phú Yên (giảm 69).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Nghệ An (tăng 350), Bắc Giang (tăng 249), Hải Phòng (tăng 161).

- Đến nay Việt Nam đã ghi nhận 192 ca mắc COVID-19 do biến thể Omicron tại 16 tỉnh, thành phố: TP. Hồ Chí Minh (92), Quảng Nam (27), TP. Hà Nội (14), Khánh Hòa (11), Đà Nẵng (8), Kiên Giang (4), Quảng Ninh (20), Thanh Hóa (2), Hải Dương (2), TP. Hải Phòng (1), Long An (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1), Bình Dương (1), Lâm Đồng (1), Ninh Bình (1), Hưng Yên (6).

2. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 2.109.898 người đã khỏi bệnh (90,2%), tăng 6.802 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 190.773 trường hợp, trong đó có 2.203 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 1.423; (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 373; (3) Thở máy không xâm lấn: 49; (4) Thở máy xâm lấn: 338; (5) EMO: 20.

Trong ngày 11/4/2022, ghi nhận 84 trường hợp tử vong (tăng 30 trường hợp so với ngày trước đó), gồm: Hà Nội (39 ca trong 02 ngày), Bắc Ninh (6), TP Hồ Chí Minh (6), Vĩnh Long (6), Bà Rịa - Vũng Tàu (5), An Giang (4), Đà Nẵng (4), Đồng Tháp (4), Kiên Giang (4), Lâm Đồng (4), Quảng Ngãi (4), Bình Định (3), Hậu Giang (3), Sóc Trăng (3), Tiền Giang (3), Đồng Nai (2), Nam Định (2), Bến Tre (1), Bình Dương (1), Bình Phước (1), Cần Thơ (1), Đắk Lắk (1), Nghệ An (1), Ninh Bình (1), Phú Yên (1), Quảng Nam (1), Quảng Ninh (1), Thái Bình (1), Tuyên Quang (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

- Tiếp tục chỉ đạo các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai chiến dịch tiêm chủng mùa Xuân trên địa bàn đảm bảo hiệu quả và an toàn, tiêm chủng theo đúng số lượng vaccine phòng COVID-19 đã được cấp, không được để lãng phí vaccine.

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 05/02/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
1	Hà Nội	16.644.142	6.210.495	5.942.052	0	235.199	2.538.903	695.509	669.486	16.291.644	97,9%
2	Hải Phòng	4.230.320	1.659.430	1.525.307	0	41.169	49.351	152.042	148.204	3.575.503	84,5%
3	Thái Bình	2.910.940	1.150.584	1.186.766	96.673	205.597	228.436	150.028	141.719	3.159.803	108,5%
4	Nam Định	2.768.360	1.135.510	1.110.291	0	54.967	103.027	153.675	135.711	2.693.181	97,3%
5	Hà Nam	1.699.760	580.669	569.972	0	263.541	133.875	70.946	69.103	1.688.106	99,3%
6	Ninh Bình	1.622.960	636.194	654.320	0	154.521	84.838	82.166	76.925	1.688.964	104,1%
7	Thanh Hoá	6.813.480	2.308.654	2.135.637	228.432	232.808	70.840	282.308	274.147	5.532.826	81,2%
8	Bắc Giang	3.616.480	1.304.731	1.284.706	0	99.744	718.455	149.488	148.929	3.706.053	102,5%
9	Bắc Ninh	3.012.450	1.129.068	1.072.567	0	358.610	286.797	115.299	108.008	3.070.349	101,9%
10	Phú Thọ	2.225.740	972.339	875.552	0	162.012	50.297	124.912	107.794	2.292.906	103,0%
11	Vĩnh Phúc	2.193.070	779.951	701.678	0	139.384	116.490	108.055	106.413	1.951.971	89,0%
12	Hải Dương	3.214.630	1.321.429	1.246.669	4.595	84.757	286.818	157.247	146.161	3.247.676	101,0%
13	Hưng Yên	2.352.762	820.217	791.322	0	135.222	119.058	109.641	107.204	2.082.664	88,5%
14	Thái	2.312.690	909.756	832.637	12.792	156.868	120.042	107.990	105.970	2.246.055	97,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
	Nguyên										
15	Bắc Cạn	565.100	212.856	198.097	0	5.234	15.018	20.388	6.108	457.701	81,0%
16	Quảng Ninh	3.125.858	988.368	931.017	0	21.625	744.039	119.421	110.336	2.914.806	93,2%
17	Hoà Bình	1.616.610	540.659	501.876	0	26.692	4.972	75.444	71.462	1.221.105	75,5%
18	Nghệ An	5.478.880	1.978.184	1.961.775	499.033	242.846	618.628	281.138	266.651	5.848.255	106,7%
19	Hà Tĩnh	2.250.650	798.352	725.504	0	165.733	81.735	112.855	106.866	1.991.045	88,5%
20	Lai Châu	755.270	254.289	242.282	0	90.428	42.978	52.632	46.931	729.540	96,6%
21	Lạng Sơn	1.543.890	499.399	484.889	0	0	235.126	66.486	62.735	1.348.635	87,4%
22	Tuyên Quang	1.354.160	486.993	467.519	0	35.763	141.026	70.237	67.026	1.268.564	93,7%
23	Hà Giang	1.572.780	479.139	452.892	214	70.522	147.902	86.340	72.936	1.309.945	83,3%
24	Cao Bằng	870.380	347.147	320.935	0	64.972	68.639	45.271	40.861	887.825	102,0%
25	Yên Bái	1.595.860	512.107	495.666	0	254.412	124.930	78.801	75.312	1.541.228	96,6%
26	Lào Cai	1.483.760	460.461	442.098	0	217.115	68.701	78.934	71.772	1.339.081	90,2%
27	Sơn La	1.706.930	775.679	670.622	1.569	0	98.381	95.449	108.526	1.750.226	102,5%
28	Điện Biên	1.115.500	330.098	300.837	0	126.470	68.712	72.701	54.023	952.841	85,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
Cộng miền Bắc		80.653.412	29.582.758	28.125.485	843.308	3.646.211	7.368.014	3.715.403	3.507.319	76.788.498	95,2%
29	Quảng Bình	1.384.770	528.930	507.633	0	48.351	53.307	79.010	60.213	1.277.444	92,2%
30	Quảng Trị	1.222.182	428.570	411.757	9.938	46.331	55.416	61.070	48.518	1.061.600	86,9%
31	TT- Huế	2.294.176	785.406	754.103	0	219.446	141.069	102.378	98.626	2.101.028	91,6%
32	Tp. Đà Nẵng	2.133.682	861.311	851.114	0	84.305	130.568	100.536	98.437	2.126.271	99,7%
33	Quảng Nam	2.902.400	1.038.560	1.012.204	31.972	198.530	58.567	130.476	128.631	2.598.940	89,5%
34	Quảng Ngãi	2.463.394	846.383	787.666	0	50.476	103.192	112.133	110.572	2.010.422	81,6%
35	Bình Định	2.798.680	1.045.207	1.003.457	51.499	182.454	112.110	140.576	132.109	2.667.412	95,3%
36	Phú Yên	1.602.454	622.196	588.179	0	52.885	116.023	84.789	80.618	1.544.690	96,4%
37	Khánh Hòa	2.835.860	973.223	940.894	0	360.276	278.327	116.520	115.494	2.784.734	98,2%
38	Ninh Thuận	1.236.810	429.832	396.967	0	108.334	57.677	59.717	54.472	1.106.999	89,5%
39	Bình Thuận	2.665.820	904.834	868.657	7.207	196.285	57.308	123.807	107.113	2.265.211	85,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
Cộng miền Trung		23.540.228	8.464.452	8.122.631	100.616	1.547.673	1.163.564	1.111.012	1.034.803	21.544.751	91,5%
40	Kon Tum	984.090	319.406	312.834	6.894	75.441	36.700	58.765	55.401	865.441	87,9%
41	Gia Lai	2.602.452	984.465	888.315	71.411	60.028	119.586	166.399	141.650	2.431.854	93,4%
42	Đắk Lắk	3.255.460	1.252.832	1.174.563	0	389.953	105.826	177.889	161.658	3.262.721	100,2%
43	Đắk Nông	1.215.940	402.415	395.022	0	144.731	58.636	67.958	65.117	1.133.879	93,3%
Cộng Tây Nguyên		8.057.942	2.959.118	2.770.734	78.305	670.153	320.748	471.011	423.826	7.693.895	95,5%
44	TP. HCM	20.655.820	7.454.889	6.770.969	12.340	738.740	3.849.010	721.107	704.106	20.251.161	98,0%
45	BR-VT	2.601.240	968.835	890.175	0	0	395.428	110.427	108.834	2.473.699	95,1%
46	Đồng Nai	6.233.240	2.715.339	2.339.622	0	123.650	275.465	177.393	129.099	5.760.568	92,4%
47	Tiền Giang	3.707.690	1.319.821	1.278.141	138.417	91.287	397.202	156.482	149.015	3.530.365	95,2%
48	Long An	4.078.390	1.499.584	1.450.761	30	17.372	836.539	170.778	153.125	4.128.189	101,2%
49	Lâm Đồng	2.943.304	976.879	953.563	0	395.437	92.455	136.650	117.763	2.672.747	90,8%
50	Tây Ninh	2.565.460	872.889	825.859	10.161	25.680	325.421	89.125	87.277	2.236.412	87,2%
51	Cần Thơ	2.790.818	942.694	937.366	5.890	310.023	179.798	108.568	100.675	2.585.014	92,6%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 123 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 123 đợt
52	Sóc Trăng	2.628.960	887.380	851.673	0	472.841	10.887	116.852	109.087	2.448.720	93,1%
53	An Giang	3.977.092	1.358.942	1.338.752	184.133	408.033	165.839	202.752	185.332	3.843.783	96,6%
54	Bến Tre	2.962.480	1.020.795	996.440	0	406.338	140.140	106.936	102.566	2.773.215	93,6%
55	Trà Vinh	2.053.270	787.383	576.885	0	19.336	336.513	85.371	78.647	1.884.135	91,8%
56	Vĩnh Long	2.316.120	775.603	754.175	0	264.302	187.915	91.343	86.626	2.159.964	93,3%
57	Đồng Tháp	3.504.710	1.127.242	1.168.287	148	275.003	120.545	144.649	115.048	2.950.922	84,2%
58	Bình Dương	6.084.450	2.379.843	1.939.931	0	22.061	236.033	186.968	141.929	4.906.765	80,6%
59	Bình Phước	2.203.780	751.136	716.190	0	148.084	65.231	109.584	100.949	1.891.174	85,8%
60	Kiên Giang	3.566.150	1.238.102	1.147.310	64.587	0	151.026	166.403	156.105	2.923.533	82,0%
61	Cà Mau	2.397.190	818.765	808.584	0	377.595	102.379	112.461	111.262	2.331.046	97,2%
62	Bạc Liêu	1.604.190	567.149	555.764	0	170.786	99.051	88.472	85.439	1.566.661	97,7%
63	Hậu Giang	1.479.590	531.492	510.624	0	205.418	65.364	74.042	71.065	1.458.005	98,5%
Cộng miền Nam		80.353.944	28.994.762	26.811.071	415.706	4.471.986	8.032.241	3.156.363	2.893.949	74.776.078	93,1%

Ghi chú:

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1/mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.
- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 64.090 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.
- Bộ Quốc phòng được cấp 1.646.220 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.255.122 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 161.119 liều nhắc lại.
- Bộ Công an được cấp 1.342.680 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 121.956 liều, trong đó có 59.902 mũi 1, 37.811 mũi 2 và 24.243 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh. (Tổng số liều tiêm cho lực lượng Công an khoảng 872.000 liều).

PHỤ LỤC 3
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 05/02/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	46,6%	100,0%	99,0%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	3,4%	90,5%	88,2%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,4%	95,3%	18,3%	100,0%	94,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,0%	95,8%	8,9%	100,0%	93,6%
5	Hà Nam	612.219	72.258	94,8%	93,1%	21,9%	98,2%	95,6%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	95,6%	98,3%	12,7%	100,0%	94,1%
7	Thanh Hoá	2.389.774	282.970	96,6%	89,4%	3,0%	99,8%	96,9%
8	Bắc Giang	1.322.538	168.720	98,7%	97,1%	54,3%	88,6%	88,3%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	98,5%	93,5%	25,0%	98,8%	92,5%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	96,2%	86,6%	5,0%	97,0%	83,7%
11	Vĩnh Phúc	789.896	113.795	98,7%	88,8%	14,7%	95,0%	93,5%
12	Hải Dương	1.331.799	166.013	99,2%	93,6%	21,5%	94,7%	88,0%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,3%	95,8%	14,4%	97,2%	95,0%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	99,1%	90,7%	13,1%	100,0%	98,2%
15	Bắc Cạn	216.218	26.267	98,4%	91,6%	6,9%	77,6%	23,3%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	96,9%	91,3%	72,9%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	94,8%	88,0%	0,9%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,2%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	91,2%	10,3%	97,8%	92,6%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,3%	92,7%	16,4%	100,0%	89,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	98,6%	95,8%	46,4%	100,0%	95,4%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	95,8%	28,9%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	97,8%	92,4%	30,2%	96,0%	81,1%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
42	Đắc Lắc	1.263.947	206.278	99,1%	92,9%	8,4%	86,2%	78,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,4%	97,6%	14,5%	98,7%	94,6%
Cộng Tây Nguyên		2.957.714	509.383	100,0%	93,7%	10,8%	92,5%	83,2%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	99,2%	56,4%	86,7%	84,7%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	93,1%	41,3%	98,0%	96,5%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,0%	11,1%	60,7%	44,2%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,3%	30,5%	98,7%	94,0%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	99,9%	57,6%	100,0%	91,3%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	98,1%	9,5%	100,0%	89,3%
50	Tây Ninh	947.189	98.373	92,2%	87,2%	34,4%	90,6%	88,7%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,5%	98,9%	19,0%	96,3%	89,3%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	98,3%	1,3%	100,0%	97,8%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,1%	97,6%	12,1%	100,0%	93,2%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,3%	95,9%	13,5%	100,0%	98,2%
55	Trà Vinh	698.227	87.422	100,0%	82,6%	48,2%	97,7%	90,0%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	98,1%	24,4%	99,6%	94,5%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.614	90,5%	93,8%	9,7%	90,6%	72,1%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	82,2%	10,0%	96,3%	73,1%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,0%	94,4%	8,6%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	189.132	100,0%	96,4%	12,7%	88,0%	82,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	12,6%	100,0%	99,1%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,1%	97,1%	17,3%	97,4%	94,1%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,1%	95,2%	12,2%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.115.078	3.422.881	100,0%	95,4%	28,6%	92,2%	84,5%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 02/02/2022 đến 16h00 ngày 03/02/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 469 lượt người (nhập cảnh: 247, xuất cảnh: 222).
- + Tuyến VN-TQ: 169 lượt người (nhập cảnh: 71, xuất cảnh: 98).
- + Tuyến VN-Lào: 111 lượt người (nhập cảnh 59, xuất cảnh: 52).
- + Tuyến VN-CPC: 189 lượt người (nhập cảnh 117; xuất cảnh: 72).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 212 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 159 người (VN-TQ: 01, VN-Lào: 04, VN-CPC: 154).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 53 người (VN-TQ: 14; VN-Lào: 0, VN-CPC: 39).
 - + Số người trao trả: 0 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 31/01/2022 tới ngày 01/02/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 275 lượt người (nhập cảnh: 144 lượt người; xuất cảnh: 131 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 712 lượt người (nhập cảnh: 457 lượt người; xuất cảnh: 155 lượt người).

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 06/02, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 24 tin/bài tiếng Việt; 51 ảnh trong nước và quốc tế; 1 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện đồ họa cập nhật diễn biến dịch bệnh tại Việt Nam, công tác tiêm vaccine phòng COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN cập nhật tình hình dịch COVID-19 trên cả nước; nỗ lực của các địa phương trong công tác giám sát, kiểm soát chặt chẽ tình hình dịch COVID-19; triển khai chiến dịch tiêm vaccine; chuẩn bị cho học sinh, sinh viên trở lại trường học...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật diễn biến dịch bệnh tại các nước/khu vực trên thế giới với một số thông tin đáng chú ý như: Nga giảm thời gian cách ly đối với người thuộc diện F1; Indonesia hạn chế người cao tuổi ra khỏi nhà; Ít trẻ em nhiễm biến thể Omicron mắc hội chứng hậu COVID-19;...

IV. Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại TP. Hồ Chí Minh; Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 04/02, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.196.000 cuộc gọi (ngày 04/02 đã tiếp nhận và xử lý gần 3 nghìn cuộc gọi).

23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1	29/1	30/1	31/1	01/2	02/2	03/2	04/2
863 4	1028 2	1033 4	911 1	985 9	923 6	658 1	685 6	568 8	515 5	581 3	325 6	290 2

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 04/02/2022 đã tiếp nhận hơn 310 nghìn cuộc (ngày 04/02/2022 đã tiếp nhận 29 cuộc). Thực hiện cuộc gọi ra: từ 18/5/2021 – 04/02/2022 đã thực hiện hơn 7,43 triệu cuộc gọi ra (từ 02/11/2021- 04/02/2022 không thực hiện gọi ra).

Tiêu chí	23/1	24/1	25/1	26/1	27/1	28/1	29/1	30/1	31/1	01/2	02/2	03/2	04/2
Cuộc gọi đến	46	65	53	59	92	63	58	52	43	42	40	32	29

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 34.649.525 (=so với 04/02/2022, tăng 19.016 ngàn so với 28/4 – bắt đầu đợt dịch thứ 4), chiếm 36,12% dân số, 51,96% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.715.769 điểm đăng ký

+ 72.106 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 237.845.178

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 182.102.961

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 172.496.844
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 94,72%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 32.493.147
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19, tiếp tục tuyên truyền về Nghị quyết 128 về “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”; truyền thông phòng, chống dịch theo Kế hoạch truyền thông của Tiểu ban Truyền thông với thông điệp “*Linh hoạt thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp, hiệu quả, bảo vệ sức khỏe, tính mạng và sinh hoạt bình thường của nhân dân, vì một Tết Nhâm Dần sum họp, an toàn*”.

- Tuyên truyền việc phục hồi, phát triển kinh tế của bộ, ngành, địa phương bên cạnh việc chống dịch.

- Tuyên truyền nỗ lực và ứng phó của một số địa phương có các ca nhiễm tăng cao, thích ứng an toàn, duy trì “mục tiêu kép”.

- Báo chí tăng cường khuyến cáo, nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan, xem nhẹ các biện pháp phòng, chống dịch, nhất là trong dịp Tết, người dân đi lại, gặp gỡ.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

Bộ Y tế tiếp tục đề nghị tập trung đẩy mạnh Chiến dịch tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19 thần tốc mùa Xuân năm 2022; rà soát, tiêm vét các đối tượng nguy cơ cao, không để bỏ sót đối tượng chưa được tiêm/chưa được tiêm đủ liều vắc-xin; bảo đảm an toàn tiêm chủng...

Bộ Y tế đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội tiếp tục nâng mức cảnh giác cao nhất đối với dịch COVID-19, đặc biệt đối với biến chủng mới Omicron, tiếp tục huy động toàn thể hệ thống chính trị tham gia công tác phòng chống dịch ngay từ những ngày đầu năm 2022, không được chủ quan, lơ là trong công tác phòng, chống dịch, coi công tác phòng, chống dịch COVID-19 và các dịch bệnh truyền nhiễm là nhiệm vụ trọng tâm.

Trong đó chú trọng các nội dung: Tập trung đẩy mạnh Chiến dịch tiêm chủng vaccine phòng COVID-19 thần tốc mùa Xuân năm 2022; rà soát, tiêm vét các đối tượng nguy cơ cao, không để bỏ sót đối tượng chưa được tiêm chủng và đối tượng chưa được tiêm đủ liều vaccine; bảo đảm an toàn tiêm chủng.

Tiếp tục rà soát, đánh giá cấp độ dịch theo hướng dẫn tại Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP của Chính phủ để tổ chức các biện pháp

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
24	Cao Bằng	368.973	44.257	94,1%	87,0%	18,6%	100,0%	92,3%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	97,1%	24,5%	99,5%	95,1%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	99,3%	15,4%	98,8%	89,8%
27	Sơn La	786.097	141.408	98,7%	85,3%	12,5%	67,5%	76,7%
28	Điện Biên	336.229	74.737	98,2%	89,5%	20,4%	97,3%	72,3%
Cộng miền Bắc		29.064.644	3.802.329	100,0%	96,8%	25,4%	97,7%	92,2%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	97,6%	93,7%	9,8%	99,3%	75,7%
30	Quảng Trị	453.602	69.712	94,5%	90,8%	12,2%	87,6%	69,6%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	96,7%	18,1%	99,3%	95,6%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,3%	96,2%	14,8%	98,3%	96,3%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	95,6%	93,2%	5,4%	92,9%	91,6%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	99,3%	92,4%	12,1%	97,6%	96,3%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	93,7%	90,0%	10,1%	95,9%	90,2%
36	Phú Yên	678.954	86.632	91,6%	86,6%	17,1%	97,9%	93,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	98,7%	29,2%	90,7%	89,9%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	94,6%	13,7%	96,8%	88,3%
39	Bình Thuận	902.470	135.851	100,0%	96,3%	6,4%	91,1%	78,8%
Cộng miền Trung		8.668.699	1.169.017	97,6%	93,7%	13,4%	95,0%	88,5%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,3%	92,4%	10,8%	96,7%	91,2%
41	Gia Lai	950.154	173.530	100,0%	93,5%	12,6%	95,9%	81,6%

đáp ứng dịch phù hợp, làm cơ sở triển khai các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp với Nghị quyết số 128/NQ-CP và tình hình dịch bệnh.

Đồng thời tiếp tục giám sát, quản lý chặt chẽ các trường hợp nhập cảnh để bảo đảm an toàn phòng, chống dịch. Cập nhật, tổ chức triển khai các hướng dẫn phòng, chống dịch, chẩn đoán, điều trị người bệnh COVID-19 của Bộ Y tế.

Các bộ ngành, địa phương... tăng cường kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, cơ sở sản xuất, chợ, siêu thị, nhà ga, sân bay, bến xe... nhất là khi đưa học sinh trở lại học tập trực tiếp tại trường, người lao động trở lại làm việc sau Tết.

Triển khai các hoạt động liên quan đến việc tạo điều kiện thuận lợi cho cấp phép nhập cảnh, mở cửa du lịch và mở cửa trường học an toàn cho học sinh trở lại trường.

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- TP.HCM:

+ Sở Giáo dục Đào tạo TP đã công bố kế hoạch chi tiết việc cho học sinh tiểu học đi học lại sau Tết Nguyên đán. Trong đó có hướng dẫn tổ chức bán trú, trường hợp những học sinh không đi học trực tiếp.

Theo kế hoạch trên, học sinh tiểu học TP sẽ đi học trực tiếp trên tinh thần tự nguyện, không bắt buộc. Đối với các học sinh đi học trực tiếp: giáo viên tổ chức hướng dẫn các hoạt động học tập theo nhóm, có giải pháp củng cố, bồi dưỡng kiến thức đối với những học sinh chưa học trực tuyến hoặc có học trực tuyến nhưng không đạt được yêu cầu về phẩm chất, năng lực. Đối với các học sinh chưa đi học trực tiếp: sẽ tiếp tục học từ xa, hoàn thành các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn của giáo viên.

Những cơ sở giáo dục thuộc vùng dịch cấp độ 1 có thể tổ chức dạy học hai buổi/ngày hoặc bán trú từ ngày 14/02 cho tất cả các khối theo nhu cầu của học sinh và phụ huynh.

Sở cũng yêu cầu giáo viên tiểu học dành thời gian hướng dẫn cho học sinh các thói quen phòng dịch COVID-19 tại trường; xây dựng nề nếp học tập, phân loại học sinh theo từng nhóm căn cứ vào khả năng tiếp thu kiến thức của học sinh; tổ chức ôn tập kiến thức đã học trong giai đoạn học sinh học qua mạng.

+ Đây là tuần thứ 5 liên tiếp TP.HCM duy trì “vùng xanh”.

- Tỉnh Cà Mau: Học sinh từ lớp 6 đến lớp 12 ở tỉnh Cà Mau sẽ học trực tiếp từ ngày 07/02, còn học sinh lớp 1 đến lớp 5 vẫn học trực tuyến, đến ngày 14/02 sẽ chuyển sang học trực tiếp. Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau giao Sở GD&ĐT tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Y tế, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục rà soát các phương án, kịch bản chi tiết, cụ thể trên tinh thần chủ động xử lý các tình huống phòng, chống dịch COVID-19 trong quá trình tổ chức dạy và học trực tiếp. Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn, yêu cầu các cơ sở giáo dục có các biện pháp đảm bảo an toàn phòng, chống dịch theo văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; đồng thời tăng cường các hoạt động tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong xã hội để học sinh, phụ huynh yên tâm cho con em trở lại trường học trực tiếp an toàn, hiệu quả.

(4) Công tác phòng, chống dịch tại Hà Nội và một số địa phương:

- TP.Hà Nội: UBND TP.Hà Nội đã có thông báo đánh giá cấp độ dịch trong phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn thành phố Hà Nội. Hà Nội không đánh giá cấp độ dịch toàn thành phố và các quận, huyện mà chỉ xét xã, phường. Cụ thể, thành



phố có 541 xã, phường trên tổng số 579 cấp độ 1; 29 xã, phường cấp độ 2 (nguy cơ trung bình, màu vàng) và 9 xã, phường cấp độ 3 (nguy cơ cao, màu cam). Như vậy, so với tuần trước (tối 28/01), các xã, phường vùng xanh của Hà Nội đều tăng (tuần trước có 517 xã phường cấp độ 1); các xã phường vùng vàng và vùng cam đều giảm (tuần trước có 49 xã phường cấp độ 2 và 13 xã, phường cấp độ 3). Xét theo tỉ lệ, Hà Nội hiện có 93,4% xã, phường vùng xanh; 5% xã phường vùng vàng; còn lại là các xã phường vùng cam.

Với kết quả đánh giá cấp độ nêu trên, đa số địa bàn của thành phố sẽ được nới lỏng hoạt động kinh doanh dịch vụ, tương ứng với cấp độ dịch. Hiện Hà Nội đã mở lại hầu hết hoạt động kinh doanh, dịch vụ, chỉ còn vũ trường, karaoke, massage, quán bar, rạp chiếu phim... chưa được hoạt động.

Tính từ 18h ngày 03/02 đến 18h ngày 04/02, trên địa bàn TP ghi nhận 2.756 ca COVID-19. Quận Hoàng Mai là địa bàn ghi nhận nhiều ca nhiễm nhất trong 24 giờ qua.

- Tỉnh Bắc Ninh: Do du khách về lễ đền Bà Chúa Kho quá đông, tiềm ẩn nguy cơ lây nhiễm trong cộng đồng, Ban Chỉ đạo - Trung tâm chỉ huy phòng, chống dịch COVID-19 phường Vũ Ninh, TP Bắc Ninh thông báo dừng hoạt động đón khách từ 05/02 (tức ngày mừng 5 Tết).

- Tỉnh Nghệ An: Chiều 04/02, Sở Y tế tỉnh Nghệ An đã họp khẩn bàn công tác phòng, chống dịch COVID-19. Theo ngành y tế tỉnh Nghệ An, từ ngày 28 Tết đến hôm nay, toàn tỉnh ghi nhận 1.867 ca, trong đó 242 ca cộng đồng. Trung bình 267 ca/ngày. Thành phố Vinh có số lượng ca mắc lớn nhất tỉnh (365 ca). Toàn tỉnh cũng đã tiêm được thêm 212.039 mũi vắc-xin phòng COVID-19.

Như vậy, tính từ đầu đợt dịch lần thứ 4 đến 18 giờ ngày 04/02, trên địa bàn Nghệ An ghi nhận 15.347 ca dương tính, trong đó, 13.019 người đã khỏi bệnh, ra viện và 45 trường hợp tử vong.

Lãnh đạo Sở Y tế tỉnh dự báo số ca nhiễm có thể tăng đột biến sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. Do đó, riêng đơn vị TP Vinh, ngay bây giờ phải kích hoạt cơ sở thu dung điều trị để tiếp nhận F0 khi cần thiết. Đối với điều trị F0 tại nhà, đề nghị các địa phương và cơ sở y tế thực hiện đúng quy trình, hướng dẫn của Bộ Y tế.

Sở Y tế Nghệ An đề nghị các đơn vị, địa phương tiếp tục khởi động lại Chiến dịch tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19 mùa Xuân 2022; triển khai hiệu quả việc điều trị F0 tại nhà, cơ sở thu dung điều trị; đẩy mạnh công tác truyền thông để tuyên truyền, nâng cao ý thức, sự đồng thuận của người dân trong việc phòng, chống dịch.

- Tỉnh Quảng Ninh: Số ca mắc COVID-19 mới giảm so với trước Tết Nguyên đán. Tuy nhiên, còn một số địa phương vẫn còn tiềm ẩn nguy cơ rất cao dịch bùng phát bất cứ lúc nào, đặc biệt các địa phương có biến động dân cư lớn trong, sau Tết như Uông Bí, Cẩm Phả.

Theo đó, chính quyền tỉnh Quảng Ninh khuyến cáo người dân cần nhắc sử dụng các dịch vụ và hoạt động phải bỏ khâu trang; đảm bảo thực hiện tốt 5K và tuân thủ tiêm chủng đầy đủ vắc-xin phòng COVID-19, đặc biệt đối tượng người bệnh lý nền, người già. Khuyến khích người dân chủ động thực hiện test nhanh để phát hiện sớm nếu có lịch trình di chuyển, tiếp xúc phức tạp, người có triệu chứng bất thường...